**Huynh92 pass 3333**

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP**

**Học kỳ 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | LLCT130105 | Triết học Mác – Lênin | 3 | Đ |
| 2 | LLCT120205 | Kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 | Đ |
| 3 | MATH143001 | Đại số tuyến tính và cấu trúc đại số | 4 | Đ |
| 4 | MATH132401 | Toán 1 | 3 | Đ |
| 5 | EHQT130137 | Anh văn 1 | 3 | Đ |
| 6 | INIT130185 | Nhập môn ngành CNTT | 3 | Đ |
| 7 | INPR130285 | Nhập môn lập trình | 3 |  |
| 8 | PHED110513 | *Giáo dục thể chất 1* | 0 (1) | Đ |
| **Tổng** | | | **21** | **18** |

**Học kỳ 2:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | LLCT230214 | Lịch sử ĐCSVN | 2 | Đ |
| 2 | LLCT120405 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | Đ |
| 3 | MATH132501 | Toán 2 | 3 | Đ |
| 4 | PHYS130902 | Vật lý 1 | 3 |  |
| 5 | PHYS111202 | TN Vật lý 1 | 1 | Đ |
| 6 | MATH132901 | Xác suất thống kê ứng dụng | 3 | Đ |
| 7 | EHQT130237 | Anh văn 2 | 3 | Đ |
| 8 | PRTE230385 | Kỹ thuật lập trình | 3 | Đ |
| 9 | PHED110613 | *Giáo dục thể chất 1* | 0 (1) | Đ |
|  |  | Tự chọn ĐC 1 | 2 |  |
| **Tổng** | | | **22** | **17** |

**Học kỳ 3:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | LLCT120314 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | Đ |
| 2 | EHQT230337 | Anh văn 3 | 3 | Đ |
| 3 | DIGR230485 | Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị | 3 | Đ |
| 4 | DASA230179 | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 3 | Đ |
| 5 | OOPR230279 | Lập trình hướng đối tượng | 3 | Đ |
| 6 |  | Tự chọn ĐC 2 | 2 |  |
|  |  | Tự chọn ĐC 3 | 2 |  |
| 7 | DBSY230184 | Cơ sở dữ liệu | *3* | Đ |
| 8 | GELA220405 | Pháp luật đại cương | 2 | Đ |
| 9 | PHED110715 | *Giáo dục thể chất 3* | *0* | Đ |
| **Tổng** | | | **23** | **19** |

**Học kỳ 4:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | EEEN231780 | Điện tử căn bản | 3 |  |
| 2 | DBMS330284 | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | 3 | Đ |
| 3 | WIPR230579 | Lập trình trên Windows | 3 |  |
| 4 | OPSY330280 | *Hệ điều hành* | 3 |  |
| 5 | EHQT230437 | *Anh văn 4* | *3* | Đ |
| 6 | CAAL230180 | Kiến trúc máy tính và hợp ngữ | *3* | Đ |
| 7 | NEES330380 | Mạng máy tính căn bản | 3 | Đ |
| **Tổng** | | | **21** | **6** |

**Học kỳ 5:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | WEPR330479 | Lập trình Web | 3 |  |
| 2 | INSE330380 | An toàn thông tin | 3 | Đ |
| 3 | ARIN330585 | Trí tuệ nhân tạo | 3 | Đ |
| 4 | EHQT330537 | Anh văn 5 | 3 |  |
| 5 | PROJ215879 | Đồ án CNTT | 1 |  |
| 6 | PRBE214262 | Thực tập điện tử căn bản | 1 | **Đ** |
| 7 |  | Môn ngành TC 1 | 3 |  |
| 8 |  | Môn ngành TC 2 | 3 |  |
| **Tổng** | | | **20** | **7** |

**Học kỳ 6:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** |  |
| 1 |  | Môn ngành TC 3 | 3 |  |
| 2 |  | Môn ngành TC 4 | 3 |  |
| 3 |  | Môn CN tự chọn 1 | 3 |  |
| ***Hướng Chuyên ngành công nghệ phần mềm (CNPM)*** | | | |  |
| 4 | OOSE330679 | Công nghệ PM HĐT | 3 |  |
| 5 | DEPA330879 | Mẫu thiết kế phần mềm | 3 |  |
| 6 | MOPR331279 | Lập trình di động | 3 |  |
| ***Hướng Chuyên ngành mạng và an ninh mạng*** | | | |  |
| 4 | INSE331980 | Mật mã học | 3 |  |
| 5 | ADNT330580 | Mạng máy tính nâng cao | 3 |  |
| 6 | ETHA332080 | Tấn công mạng và phòng thủ | 3 |  |
| ***Hướng Chuyên ngành hệ thống thông tin (httt)*** | | | | |
| 4 | ISAD330384 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin | 3 |  |
| 5 | BDES333877 | Nhập môn dữ liệu lớn | 3 |  |
| 6 | DAMI330484 | Khai phá dữ liệu | 3 |  |
| **Tổng** | | | **18** |  |

**Học kỳ 7:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 | ITIN441085 | Thực tập tốt nghiệp | 4 |  |
| 2 | ITEN420885 | Chuyên đề doanh nghiệp | 2 |  |
| 3 | LEBU320026 | Lãnh đạo và kinh doanh trong kỹ thuật | 0(2) |  |
| ***Hướng Chuyên ngành công nghệ phần mềm (CNPM)*** | | | | |
| 4 | SOTE431079 | Kiểm thử phần mềm | 3 |  |
| 5 | MTSE431179 | Các công nghệ phần mềm mới | 3 |  |
| 6 | POSE431479 | Tiểu luận chuyên ngành CNPM | 3 |  |
| ***Hướng Chuyên ngành mạng và an ninh mạng*** | | | | |
| 4 | CNDE430780 | Thiết kế mạng | 3 |  |
| 5 | NSEC430880 | An ninh mạng | 3 |  |
| 6 | POCN431280 | Tiểu luận chuyên ngành Mạng và an ninh mạng | 3 |  |
| ***Hướng Chuyên ngành hệ thống thông tin (httt)*** | | | | |
| 4 | SEO431884 | SEO | 3 |  |
| 5 | DBSE431284 | Bảo mật CSDL | 3 |  |
| 6 | POIS431184 | Tiểu luận chuyên ngành HTTT | 3 |  |
| **Tổng** | | | **15** |  |

**Học kỳ 8:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã MH** | **Tên MH** | **Số TC** | **Mã MH trước** |
| 1 |  | Môn CN tự chọn 2 | 3 |  |
| 2 | GRPR471979 | Khóa luận tốt nghiệp | 7 |  |
| **Tổng** | | | **10** |  |

**Môn học tự chọn**

**Kiến thức giáo dục đại cương :** Sinh viên chọn 6 tín chỉ (3 môn) trong số các môn học sau đây (viết tắt là Tự chọn ĐC 1,2,3) :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Mã MH trước,**  **MH tiên quyết** |
|  | GEFC220105 | Kinh tế học đại cương | 2 |  |
|  | IQMA220205 | Nhập môn quản trị chất lượng | 2 |  |
|  | INMA220305 | Nhập môn Quản trị học | 2 |  |
|  | INLO220405 | Nhập môn Logic học | 2 |  |
|  | IVNC320905 | Cơ sở văn hoá Việt Nam | 2 |  |
|  | INSO321005 | Nhập môn Xã hội học | 2 |  |
|  | ENPS220591 | Tâm lý học kỹ sư | 2 |  |
|  | SYTH220491 | Tư duy hệ thống | 2 |  |
|  | LESK120190 | Kỹ năng học tập đại học | 2 |  |
|  | PLSK120290 | Kỹ năng xây dựng kế hoạch | 2 |  |
|  | WOPS120390 | Kỹ năng làm việc trong môi trường kỹ thuật | 2 |  |
|  | REME320690 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |  |

**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

**Kiến thức ngành tự chọn :** Sinh viên chọn 4 trong số các môn học sau (môn ngành TC 1,2,3,4)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Mã MH trước,**  **MH tiên quyết** |
|  | DIPR430685 | Xử lý ảnh số | 3(2+1) | THCS |
|  | ADPL331379 | Ngôn ngữ Lập trình tiên tiến | 3(2+1) | CNPM |
|  | ESYS431080 | Hệ thống nhúng | 3(2+1) | MANM |
|  | FOIT331380 | Lý thuyết thông tin | 3(2+1) | MANM |
|  | ITPM430884 | Quản lý dự án CNTT | 3(2+1) | HTTT |
|  | ECOM430984 | Thương mại điện tử | 3(2+1) | HTTT |
|  | CLCO332779 | Điện toán đám mây | 3(2+1) | CNPM |
|  | INOT431780 | Internet vạn vật | 3(2+1) | MANM |
|  | MALE431085 | Học máy | 3(2+1) |  |

**Kiến thức chuyên ngành :**  Sinh viên chọn 2 trong số các môn sau (ký hiệu Môn CN tự chọn 1, 2)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Mã MH trước,**  **MH tiên quyết** |
|  | TOEN430979 | Công cụ và môi trường phát triển PM | 3(2+1) |  |
|  | SEEN431579 | Search Engine | 3(2+1) |  |
|  | SOPM431679 | Quản lý dự án phần mềm | 3(2+1) |  |
|  | ADMP431879 | Lập trình di động nâng cao | 3(2+1) |  |
|  | HCIN431979 | Tương tác người máy | 3(2+1) |  |
|  | ESDN432079 | Thiết kế phần mềm gíao dục | 3(2+1) |  |
|  | BDAN333977 | Phân tích dữ liệu lớn | 3(2+1) |  |
|  | DAWH430784 | Kho dữ liệu | 3(2+1) |  |
|  | INRE431084 | Truy tìm thông tin | 3(2+1) |  |
|  | DIFO432180 | Pháp lý kỹ thuật số | 3(2+1) |  |
|  | NSMS432280 | Hệ thống giám sát an toàn mạng | 3(2+1) |  |
|  | WISE432380 | An toàn mạng không dây và di động | 3(2+1) |  |
|  | CLAD432480 | Quản trị trên môi trường cloud | 3(2+1) |  |
|  | NPRO430980 | Lập trình mạng | 3(2+1) |  |
|  | MAAN431680 | Phân tích mã độc | 3(2+1) |  |
|  | OOSD330879 | Thiết kế phần mềm hướng đối tượng | 3(2+1) |  |
|  | WESE331479 | Bảo mật web | 3(2+1) |  |
|  | ADDB331784 | Cơ sở dữ liệu Nâng cao | 3(2+1) |  |
|  | ERP431984 | ERP | 3(2+1) |  |
|  | DLEA432085 | Học sâu | 3(2+1) |  |

**Kiến thức tự chọn liên ngành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên học phần** | **Số tín chỉ** | **Mã MH trước,**  **MH tiên quyết** |
|  | DIGI330163 | Kỹ thuật số | 3(2+1) |  |
|  | DSIC330563 | Thiết Kế Mạch Số Với HDL | 3(2+1) |  |
|  | BIIM330865 | Xử lý ảnh y sinh | 3(2+1) |  |
|  | BIME331965 | Thiết kế mô hình trên máy tính | 3(2+1) |  |
|  | APME332565 | Thu thập và điều khiển thiết bị với máy tính | 3(2+1) |  |
|  | DSPR431264 | Xử lý tín hiệu số | 3(2+1) |  |

***Các môn học sinh viên có thể hoàn thành trong quá trình học tập từ HK1 – HK8***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã môn học** | **Tên môn học** | **Số tín chỉ** | **Ghi chú** |
|  | ITEN420885 | Chuyên đề doanh nghiệp | 2 |  |
|  | ITIN441085 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | **Từ HK6 – HK8** |
|  | LEBU320026 | Lãnh đạo và kinh doanh trong kỹ thuật | 0(2) |  |

**MÔ TẢ VẮN TẮT MÔN HỌC**

**Lưu ý:** Trong phần Mô tả vắn tắt môn học, mục*Cấu trúc học phần****: 5(5/0/10****)* có nghĩa: **5** Tín chỉ, trong đó có [**5** tín chỉ **Lý thuyết** / **0** tín chỉ **Thực hành** / **10** tín chỉ **Tự học, tự nghiên cứu**]

1. **Điện tử căn bản**

*Cấu trúc học phần:* 3(3:0:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản và phương pháp phân tích, tính toán các mạch điện và mạch điện tử căn bản thường sử dụng trong thực tếnhư: mạch điện một chiệu, mạch điện xoay chiều, mạch chỉnh lưu, mạch ổn áp, mạch ngắt dẫn dùng BJT, mạch khuếch đại tín hiệu, mạch dao động ...

1. **Thực tập điện tử căn bản**

Hướng dẫn sinh viên thực hành các mạch kỹ thuật điện tử như mạch chỉnh lưu, mạch xén, mạch nguồn DC, mạch khuếch đại tín hiệu nhỏ, mạch transistor ngắt dẫn, mạch dao động, các mạch điều khiển dùng SCR, TRAC, DIAC, quang trở, op-to, các mạch đếm và thanh ghi và các mạch điện tử ứng dụng trong thực tế

1. **Nhập môn ngành CNTT**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các chuẩn mực cần có của một người kỹ sư CNTT; kiến thức cơ bản về phầncứng, phần mềm máy tính, các hướng chuyên ngành và ngành nghề liên quan đến lĩnh vực CNTT;khái niệm về tư duy máy tính (Computational Thinking); các kỹ năng giao tiếp: bằng lời, bằng văn bản; kỹ năng thuyết trình, soạn slide báo cáo; kỹ năng tự học và khai thác thông tin trên Internet.

1. **Nhập môn lập trình**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấpkiến thức cơ bản về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, hệ thống số với các phép toán nhị phân, bát phân, thập lục phân, các bước giải một bài toán lập trình. Ngoài ra môn học này còn định hướng phương pháp tư duy, phong cách lập trình, cách giải quyết bài toán tin học bằng lưu đồ khối, lập trình các bài toán tin học đơn giản bằng ngôn ngữ lập trình C/C++.

1. **Kỹ thuật lập trình**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấpkiến thức về phân tích, đánh giá độ phức tạp của giải thuật, đồng thời cũng cung cấp các giải thuật và kỹ thuật lập trình để giải quyết bài toán thực tế cũng như nâng cao hiệu quả của các chương trình máy tính.

1. **Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về: (1) “Toán rời rạc” - kiến thức cơ bản về logic mệnh đề, logic vị từ, suy diễn logic, quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự, dàn và đại số Bool;kiến thức và kỹ năng trong việc phân tích, nhìn nhận vấn đề, trong việc xác định công thức đa thức tối tiểu bằng phương pháp biểu đồ Karnaugh. (2) “Lý thuyết đồ thị” (LTĐT)- hiểu biết về các lĩnh vực ứng dụng của lý thuyết đồ thị, cung cấp kiến thức nền tảng về lý thuyết đồ thị ứng dụng trong tin học. Cung cấp các thuật toán, kỹ thuật và kỹ năng lập trình các giải thuật trong lý thuyết đồ thị.

1. **Trí tuệ nhân tạo**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các vấn đề, ý tưởng, và giải thuật nền tảng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (artificial intelligence – AI), bao gồm các giải thuật giải quyết vấn đề bằng tìm kiếm (solving problems by searching), quá trình quyết định Markov (Markov decision processes), học củng cố (reinforcement learning), mô hình Markov ẩn (hidden Markov models), mạng Bayes (Bayesian networks), mạng quyết định (decision networks), phân cụm (clustering), và naïve Bayes. Việc nắm bắt được các ý tưởng và giải thuật này không chỉ giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề thực tế bằng AI, mà còn có khả năng tiếp thu những thành tựu tiên tiến trong lĩnh vực dễ dàng hơn.

1. **Xử lý ảnh số**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức và kỹ năng để viết được các chương trình xử lý ảnh cơ bản, bao gồm:Cơ bản về xử lý ảnh số; các phương pháp nâng cao chất lượng ảnh trong miền không gian và tần số; hình thái học; phân vùng ảnh; trích đặc điểm và nhận dạng

1. **Học sâu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức nền tảng về lý thuyết và công cụ. Trên cơ sở này, sinh viên xây dựng và huấn luyện được các mạng nơ-ron sâu và ứng dụng vào thị giác máy tính…

1. **Cấu trúc dữ liệu và giải thuật**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các cấu trúc dữ liệu và giải thuật thông dụng trên máy tính; khả năng phân tích và xây dựng giải thuật bằng mã giả và hiện thực giải thuật trên máy tính bằng một ngôn ngữ lập trình C/C++; khả năng vận dụng cấu trúc dữ liệu và giải thuật đã học để giải quyết bài toán trong thực tế.

1. **Lập trình hướng đối tượng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về công nghệ Visual .NET 2015/2017 của Microsoft, các thành phần chính của .NET framework; kiến thức về các thành phần cơ bản và cú pháp của ngôn ngữ C#; kiến thức về phương pháp luận trong lập trình OOP: lớp, đối tượng, thuộc tính, phương thức, sự thừa kế, tính đa hình, giao diện; kiến thức và kỹ năng sử dụng cơ chế ủy quyền và việc đáp ứng của nó theo các sự kiện; kiến thức và kỹ năng xây dựng Generic với lớp, giao diện, phương thức; kiến thức cơ bản về LINQ; kỹ năng sử dụng các lớp dựng sẵn trong C# để xây dựng các chương trình WinForm đơn giản.

1. **Lập trình windows**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức nền tảng và phương pháp lập trình trên môi trường windows; kiến thức về ADO.NET để làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu; có khả năng phát triển các loại ứng dụng winform sử dựng các công nghệ Windows form controls, Graphic controls, LINQ to SQL, Entity framework, Microsoft report.

1. **Lập trình web**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức nền tảng về các ứng dụng web được xây dựng bằng công nghệ Servlet và JSP trên nền tảng J2EE framework. Tập trung chủ yếu vào (1) Thư viện thẻ chuẩn JSTL (JavaServer Pages Standard Tag Library): tập các thẻ JSP với các chức năng chung hỗ trợ cho nhiều ứng dụng JSP và (2) Mô hình MVC (Model-View-Controller Pattern). Sau khi học xong môn học này, sinh viên được trang bị các kỹ năng phân tích và thiết kế; có khả năng ứng dụng mô hình MVC để phát triển một ứng dụng web hoàn chỉnh trên công nghệ Servlet và JSP.

1. **Công nghệ phần mềm hướng đối tượng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần*

Cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển một sản phẩm phần mềm nói chung cũng như quy trình phát triển phần mềm theo phương pháp hướng đối tượng nói riêng; các kiến thức về ngôn ngữ mô hình hóa hợp nhất (UML); kỹ năng thiết kế và vẽ các loại lược đồ UML trên công cụ thiết kế; kỹ năng trong quy trình như khảo sát hiện trạng, xác định yêu cầu, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm thử, đóng gói và triển khai một sản phẩm phần mềm. Đồng thời với các kỹ năng nghề nghiệp, người học còn được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, viết báo cáo và sưu liệu phần mềm.

1. **Mẫu thiết kế phần mềm**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần*

Cung cấp kiến thức nền tảng về phương pháp thiết kế phần mềm mềm theo cách tiếp cần hướng đối tượng, sự cần thiết của việc sử dụng các mẫu thiết kế phần mềm;kiến thức chi tiết về các mẫu thiết kế phần mềm phổ biến; khả năng vận dụng các mẫu thiết kế này để giải quyết nhiều vấn đề khác nhau trong công nghệ phần mềm.

1. **Lập trình di động**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp cho người học kiến thức về lập trình di động nói chung, và lập trình android nói riêng; kiến thức về cấu trúc của một dự án Android; kiến thức về các thư viện để tương tác đến phần cứng của thiết bị; kiến thức về cơ sở dữ liệu sqlite. Sau khi kết thúc khoá học, sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để xây dựng 1 ứng dụng Android hoàn chỉnh.

1. **Kiểm thử phần mềm**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về kiểm thử phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm; kiến thức về thiết kế và cài đặt những kĩ thuật kiểm thử; kiến thức về CMMi.Sau khi kết thúc khoá học, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để thiết kế, thực thi và đánh giá chất lượng phần mềm; thực hành sử dụng những công cụ quản lý lỗi, và công cụ kiểm thử tự động.

1. **Điện toán đám mây**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các APIs quan trọng của như những dịch vụ cung cấp bởi Google, Amazon, vàMicrosoft Cloud, bao gồm các kỹ thuật xây dựng và triển khai các ứng dụng cũng như việc duy trì các máy ảo; cách sử dụng các mô hình đám mây như: Cloud as the infrastructure, Cloud as the platform, và Cloud ad the software services; cách sử dụng các RESTFul Web services; cách sử dụng cả Web interfaces và chế độ dòng lệnh (CLI) thông qua Linux/Unix terminal để làm việc với các Cloud service.

1. **Công cụ và môi trường phát triển phần mềm**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về cú pháp, ý nghĩa và công dụng và các lĩnh vực ứng dụng của ngôn ngữ mô hình hóa hợp nhất UML; kiến thức về mô hình hướng đối tượng và các loại lược đồ trong UML; kiến thức về các quy trình phát triển phần mềm, tiêu biểu là quy trình hợp nhất của Rational (RUP) và quy trình phát triển phần mềm linh hoạt (agile methodology); kỹ năng sử dụng công cụ thiết kế phần mềm để lập các lược đồ bằng UML; kỹ năng sử dụng một số công cụ phát triển để phục vụ cho quá trình phát triển một sản phẩm phần mềm hoàn chỉnh.

1. **Search engine**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về search engine, kĩ năng xây dựng và đánh giá hiệu quả hoạt động của các loại search engine

1. **Quản lý dự án phần mềm**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các khái niệm trong quản lý dự án công nghệ thông tin đặc biệt là dự án công nghệ phần mềm; kiến thức về các mảng công việc trong quản lý dự án công nghệ phần mềm; kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch; kiến thức và kỹ năng quản lý yêu cầu; quản lý thời gian và chi phí thực hiện dự án; quản lý nguồn nhân lực của dự án; quản lý rủi ro của dự án.

1. **Tương tác người máy**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức: user-centered design, các kỹ thuật phát triển giao diện và đánh giá tính khả dụng với mục đích giúp sinh viên xây dựng các kỹ năng thiết kế tập trung vào người dùng, các nguyên tắc và phương pháp để tạo ra các giao diện tốt bằng bất kỳ công nghệ nào. Một số chủ đề chính bao gồm:

Tại sao thiết kế giao diện người dùng lại quan trọng và tại sao lại khó?Tầm quan trọng của lý thuyết màu, phân cấp và cân bằng; cách suy nghĩ của một nhà thiết kế; cách thiết kế hướng người dùng; thiết kế đồ họa và tương tác cho giao diện người dung; thiết kế web; thiết kế web chuyển sang thiết kế di động và ngược lại; thiết kế ứng dụng cho iOS và Android.

1. **Thiết kế phần mềm giáo dục**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về những yếu tố tạo nên một phần mềm giáo dục hoặc trò chơi hỗ trợ học tập tốt? làm cách nào để chúng ta tạo ra và đánh giá chúng? Ý tưởng tạo ra các phần mềm/game này đến từ đâu? Các chủ đề sẽ được đề cập trong khóa học gồm: tính khả dụng (usability); trải nghiệm người dùng (user experiences); những cách khác nhau mà phần mềm và trò chơi có thể được dùng để thúc đẩy học tập; đặc điểm của một phần mềm giáo dục (tính năng chung của phần mềm cho việc học); đặc điểm của một trò chơi hỗ trợ học tập; cách thức mà trò chơi có thể mang lại những trải nghiệm; cách thiết kế phần mềm giáo dục và làm thế nào để đánh giá được các thiết kế một cách khoa học và đáng tin cậy; hiện thực và đánh giá phần mềm giáo dục và các trò chơi học tập; các xu hướng của thị trường phần mềm giáo dục và trò chơi học tập.

1. **Kiến trúc máy tính và hợp ngữ**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức liên quan tới kiến trúc máy tính: những yếu tố về thiết kế làm tăng hiệu năng xử lý như kiến trúc CPU, tổ chức bộ nhớ; các đặc điểm về khía cạnh lập trìnhnhư tổ chức độ dài bit, kiến trúc tập lệnh của vi xử lý x86-64. Kiến thức về lập trình hợp ngữ trên x64 CPU, các lời gọi hệ thống, gọi hợp ngữ từ ngôn ngữ cấp cao; kỹ thuật chạy từng bước và gỡ rối chương trình mã máy bằng gdb.

1. **Hệ điều hành**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản của hệ điều hành;các nguyên lý cơ bản để xây dựng Hệ điều hành; cấu trúc và việc ứng dụng các nguyên lý cơ bản trong các hệ điều hành cụ thể; mô phỏng điều khiển thiết bị của Hệ điều hành thông qua lập trình hệ thống.

1. **Mạng máy tính căn bản**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các khái niệm cơ bản trong mạng máy tính, đặc điểm cơ bản của các loại mạng; kiến thức về nguyên lý hoạt động của các thiết bị mạng, các kỹ thuật phổ biến triển khai trên hạ tầng mạng, các giao thức phổ biến hoạt động trong hệ thống mạng; các kiến thức về thiết kế, cấu hình, bảo mật và vận hành hệ thống mạng đơn giản.

1. **Mật mã học**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp các khái niệm cơ bản về mã hóa thông tin, giới thiệu các phương pháp mã hóa, giải mã và ứng dụng trong bảo mật thông tin, các cơ chế và nghi thức bảo mật Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức về mã hóa thông tin đã học để giải quyết một số bài toán bảo mật trong thực tế.

1. **Mạng máy tính nâng cao**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về công nghệ định tuyến, phân loại và đặc điểm của các giao thức định tuyến; cung cấp kiến thức về cấu hình một số giao thức phổ biến; cung cấp kiến thức về VLAN, ACL, NAT; các công nghệ WAN.

1. **An toàn thông tin**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về những vấn đề liên quan đế an toàn thông tin trong máy tính và mạng máy tính gồm:CIA triad, chính sách an ninh, attack surface, attack tree; an toàn thông tin về phần mềm gồm HĐH và ứng dụng; bảo mật web; phân tích mã độc; an toàn thông trên mạng như Firewall, IDS/IPS; mật mã học ứng dụng như các kỹ thuật mật mã đảm bảo tính xác thực, toàn vẹn, mã đối xứng và công khai.

1. **Tân công mạng (Tấn công và phòng thủ)**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các tấn công phổ biến và các biện pháp phòng thủ trong mạng máy tính.

1. **Thiết kế mạng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về những đặc điểm cơ bản khi thiết kế một hệ thống mạng; kiến thức về quy trình các giai đoạn thiết kế mạng, phương pháp thiết kế theo mô hình phân lớp; kiến thức về thiết kế mạng LAN, WLAN, WAN; và thiết kế mạng đảm bảo tính bảo mật, tính sẵn sàng của hệ thống.

1. **An ninh mạng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về nguyên lý của các kỹ thuật an ninh mạng; kiến thức về các kỹ thuật và công cụ phân tích các lỗ hổng trong hệ thống mạng; các kỹ thuật tấn công mạng; các giao thức bảo mật và kỹ thuật bảo mật ứng dụng mạng; các kỹ thuật bảo mật hạ tầng mạng như Firewall, IDS/IPS.

1. **Hệ thống nhúng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức liên quan tới hệ thống nhúng, bao gồm: tổng quan về mô hình hệ thống nhúng, tính chất, các ứng dụng của hệ thống nhúng; vi điều khiển ARM và tập lệnh; kiến thức về nguyên tắc lập trình nhúng, các công cụ lập trình phần mềm nhúng.

1. **Lý thuyết thông tin**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản của lý thuyết thông tin, bao gồm:Độ đo lượng tin (Measure of Information); sinh mã tách được (Decypherable Coding); kênh truyền tin rời rạc không nhớ (Discrete Memoryless Channel); sửa lỗi kênh truyền (Error Correcting Codings).

1. **Hệ thống giám sát an toàn mạng**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về các thành phần trong hệ thống giám sát mạng; kiến thức về phương pháp tổ chức triển khai một hệ thống giám sát, các giao thức dùng trong giám sát mạng; kiến thức về các công cụ trong giám sát, các hình thức cảnh báo khi hệ thống mạng có sự cố xảy ra.

1. **An toàn mạng không dây**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức liên quan về kênh truyền thông không dây, kiến trúc và các giao thức mạng không dây, tấn công trên mạng không dây, các kỹ thuật bảo vệ.

1. **Quản trị trên môi trường cloud**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về công nghệ cloud, triển khai cài đặt, cấu hình, quản trị trên môi trường cloud,bao gồm triển khai các máy ảo; cài đặt các ứng dụng và dịch vụ trên cloud; quản trị tài nguyên; giám sát các hoạt động của hệ thống trên môi trường cloud.

1. **Phân tích malware**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức liên quan tới phần mềm mã độc, phân loại malware, công nghệ đảo ngược, các phương pháp phân tích phần mềm mã độc, cách sử dụng một số công cụ trong phân tích mã độc.

1. **Vạn vật kết nối Internet**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức liên quan tới vạn vật kết nối internet sử dụng kiến thức kiến trúc máy tính, mạng máy tính, hệ thống nhúng để thiết kế, lập trình cho các hệ thống điều khiển thông minh.

1. **Cơ sở dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, bao đóng của tập phụ thuộc hàm, bao đóng của tập thuộc tính, phủ tối tiểu của tập phụ thuộc hàm, thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính, thuật toán xác định khóa, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng. Trang bị cho người học kiến thức về mô hình thực thể kết hợp để thiết kế CSDL.

1. **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về nguyên lý của DBMS,cách sử dụng ngôn ngữ lập trình SQL, các định nghĩa và ứng dụng của thủ tục nội tại, bẫy lỗi, chỉ mục, lập trình CSDL, quản lý truy cập trong DBMS, các nguyên lý quản lý giao tác, quản lý truy xuất cạnh tranh, phục hồi sau sự cố.

1. **Bảo mật Web**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản về các rủi ro hàng đầu (OWASP Top 10) đối với ứng dụng Web, các hình thức tấn công phía Client: lừa đảo (phishing), session hijacking, browser extension exploration...; các hình thức tấn công phía Server: directory traversal, file inclusion...; một số hình thức tấn công khác: buffer overflow, SQL Injection. Học phần cũng trang bị cho người học kỹ năng tìm hiểu các giải pháp phòng chống, bảo vệ và sử dụng các kỹ thuật, công cụ hỗ trợ để xây dựng ứng dụng Web an toàn.

1. **Phân tích thiết kế HTTT**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin; các kỹ thuật thu thập thông tin, phân tích hoạt động của hệ thống thông tin; các khái niệm có liên quan, ý nghĩa và tầm quan trọng của chúng; kiến thức và kỹ năng trong việc xác định cấu trúc, các thành phần cần thiết để xây dựng và triển khai một hệ thống thông tin; đánh giá, phân loại các dạng thông tin, kỹ thuật áp dụng và các mô hình, bảng thiết kế của nhiều khía cạnh mô tả hoạt động của hệ thống của các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế… ; hướng dẫn người học sử dụng các công cụ để hỗ trợ trong quá trình phân tích và thiết kế hệ thống thông tin.

1. **Khai phá dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản về các khái niệm, thuật toán và ứng dụng của khai phá dữ liệu. Các chủ đề được đề cập đến trong học phần bao gồm: các khái niệm cơ bản và quá trình về khai phá dữ liệu; các vấn đề liên quan đến quá trình tiền xử lý dữ liệu; các thuật toán khai phá luật kết hợp: Apriori, FP-Growth, ...; các thuật toán phân loại: k lân cận gần nhất (k-NN), cây quyết định, Naive Bayes, ...; các thuật toán gom cụm: gom cụm phân hoạch k-means, gom cụm phân cấp gộp AGNES; các thuật toán phân tích ngoại biên: dựa trên thống kê, dựa trên xấp xỉ, dựa trên gom cụm, dựa trên phân loại; các độ đo và phương pháp đánh giá các thuật toán khai phá dữ liệu.

1. **Cơ sở dữ liệu nâng cao**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức tổng quát về một số loại cơ sở dữ liệu (CSDL) mở rộng: CSDL hướng đối tượng, CSDL bán cấu trúc XML, CSDL NoSQL, CSDL phân cấp (blockchain)... ; Big Data và CSDL NoSQL, so sánh CSDL quan hệ truyền thống với CSDL NoSQL, phân loại các loại CSDL NoSQL (key-value, document-based, column-based, graph), cài đặt một CSDL NoSQL cụ thể (VD: MongoDB, Cassandra, CouchDB...), thực hiện tạo lập, lưu trữ, quản lý và thao tác dữ liệu trên cơ sở dữ liệu này.

1. **Phân tích dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về việc vận dụng các công cụ của khoa học dữ liệu để giải quyết các bài toán trong kinh doanh. Người học sẽ làm quen với các hoạt động phân tích dữ liệu trong kinh doanh và thực hiện các hoạt động này sử dụng các công cụ phân tích thống kê, khai phá dữ liệu và tối ưu hóa bằng ngôn ngữ lập trình R.

1. **Bảo mật cơ sở dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức nền tảng về cả lý thuyết lẫn thực hành để có thể hiểu được những cơ chế, mô hình và kỹ thuật bảo mật cơ sở dữ liệu, cụ thể: các kiểu tấn công, các cấp độ bảo mật và các phương pháp bảo vệ; các mô hình DAC, MAC, RBAC; bảo mật bằng phương pháp mã hóa dữ liệu; vấn đề kiểm định (Audit); cách thức hiện thực các mô hình và các công nghệ hỗ trợ bảo mật trong các hệ quản trị cơ sở dữ liệu; nguyên lý thiết kế và cài đặt các cơ chế bảo mật; các mô hình bảo vệ tính toàn vẹn dữ liệu

1. **Quản lý dự án CNTT**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức kiến thức và kỹ năng làm việc hiệu quả cho hoạt động quản lý các dự án CNTT.

1. **Thương mại điện tử**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về thương mại điện tử và cung cấp cho người học ba mảng kiến thức chủ đạo : các mô hình kinh doanh thương mại điện tử, các hoạt động marketing cho thương mại điện tử, và các vấn đề chủ đạo khi thiết kế, xây dựng, và vận hành nền tảng thương mại điện tử.

1. **Học máy**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về lĩnh vực học máy và một số giải thuật học máy. Sinh viên sẽ thực hiện các bài tập lập trình bằng ngôn ngữ lập trình Python, phân tích, đánh giá các giải thuật này. Sinh viên cũng sẽ thực tập hình thành ý tưởng, thiết kế và hiện thực hóa một hệ thống học máy đơn giản trong đồ án môn học xuyên suốt học kỳ.

1. **Hệ hỗ trợ ra quyết định**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức về tiến trình ra quyết định, cấu trúc và các thành phần của hệ hỗ trợ ra quyết định, cách quản lý và khai thác dữ liệu, các mô hình được sử dụng trong hệ hỗ trợ ra quyết định… Ngoài ra, sinh viên được trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ để giải quyết các bài toán ra quyết định, lưu trữ và khai thác dữ liệu hiệu quả. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng phân tích, thiết kế và xây dựng các hệ hỗ trợ ra quyết định trên nền tảng các hệ thống thông tin quản lý.

1. **Kho dữ liệu**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức cơ bản về kho dữ liệu, kiến trúc kho dữ liệu và các mô hình đa chiều; thực hành thiết kế kho dữ liệu và sử dụng các công cụ phổ biến để quản lý các bảng tổng hợp (pivot table) và tạo các luồng công việc tích hợp dữ liệu (data integration workflows); sử dụng các phần mở rộng của SQL được hỗ trợ bởi các hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ để trả lời các câu hỏi phân tích trong kinh doanh.

1. **Truy tìm thông tin**

*Cấu trúc học phần:* 3(2:1:6)

*Mô tả học phần:*

Cung cấp kiến thức nền tảng giúp người học hiểu được cách làm việc cũng như cách xây dựng một hệ thống truy tìm (tìm kiếm) thông tin, đặc biệt là thông tin ở dạng văn bản, cụ thể:Kiến trúc tổng quát của một hệ thống truy tìm thông tin; quá trình tiền xử lý và xây dựng chỉ mục tài liệu; các mô hình truy tìm thông tin quan trọng như mô hình không gian vector, mô hình xác suất, mô hình ngôn ngữ; phương pháp đánh giá thực nghiệm một hệ thống truy tìm thông tin; các kỹ thuật phản hồi và mở rộng truy vấn; cách hoạt động của một hệ thống tìm kiếm thông tin trên web (web search engine)

**GIỚI THIỆU**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ**

**1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế:**  
Sinh viên tốt nghiệp sẽ đạt được:  
- Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản, tổng quan và chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.  
- Nhận ra các thách thức và cơ hội ở thị trường nước ngoài bằng cách vận dụng các kiến thức cơ bản có liên quan đến chuyên ngành kinh doanh quốc tế.  
- Học cách phân tích rủi ro và cơ hội được đưa ra cho các doanh nghiệp hoạt động trên thị trường toàn cầu và phát triển các mô hình tài chính và đề xuất chiến lược để truyền đạt thông tin này để ra quyết định.  
- Phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, trực quan và bằng lời nói liên quan đến kinh doanh quốc tế bao gồm sự nhạy cảm với các nền văn hóa khác nhau.  
- Đạt được sự đánh giá cao về sự đa dạng của con người trong các tổ chức với đa dạng các giá trị và văn hóa, và học cách vận hành hiệu quả trong bối cảnh kinh doanh quốc tế.  
- Thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, đồng thời, nâng cao trách nhiệm với xã hội và tính bền vững của doanh nghiệp.   
  
**2. Các môn học**  
- Các môn liên quan đến kiến thức nền tảng, tổng quan về kinh doanh quốc tế: Pháp luật kinh doanh quốc tế, Quan hệ kinh tế quốc tế, Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương  
- Các môn liên quan đến kiến thức chuyên sâu của ngành kinh doanh quốc tế: Chiến lược kinh doanh quốc tế, Quản trị tài chính quốc tế, Đầu tư quốc tế.  
  
**3. Sự khác biệt của Ngành Kinh doanh quốc tế tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM so với trường khác**  
- Trường ĐHSPKT TP.HCM có mạng lưới rộng lớn với các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên ý kiến đóng góp của doanh nghiệp và các bên liên quan khác nhằm đảm bảo tính thực tiễn cao và đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội.   
- Chương trình đào tạo có các môn học liên ngành, môn học MOOC và môn học liên kết doanh nghiệp.  
- Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chương trình của các trường đại học danh tiếng trên thế giới.  
- Chương trình được xây dựng theo định hướng hội nhập giúp sinh viên có thể học tập một phần của chương trình tại các trường đại học nước ngoài thông qua chương trình trao đổi sinh viên.  
- Chương trình hướng đến việc phát triển kỹ năng tiếng Anh cho sinh viên thông qua việc giảng dạy các môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh và sử dụng giáo trình nhập khẩu từ nước ngoài.  
  
**4. Khả năng và lĩnh vực việc làm**  
- Học xong sinh viên ra trường có thể làm việc và đảm nhiệm các vai trò khác nhau trong các tập đoàn đa quốc gia, các công ty xuất nhập khẩu, các công ty vận tải, hãng tàu, như là: chuyên viên xuất nhập khẩu, chuyên viên quản trị tài chính và chuỗi cung ứng toàn cầu.   
- Nhu cầu việc làm của Ngành kinh doanh quốc tế trong tương lai rất lớn trong xu thế toàn cầu hóa và tự do thương mại, ngày càng có nhiều tập đoàn đa quốc gia và tổ chức quốc tế hoạt động kinh doanh tại Việt Nam cũng như các doanh nghiệp Việt Nam muốn mở rộng thị trường ra nước ngoài.  
  
**5. Khả năng phát triển trong tương lai khi học Ngành Kinh doanh quốc tế**  
- Chương trình đào tạo có tính kế thừa và liên thông luôn tạo điều kiện cho người học học tập suốt đời, học cao học và nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài.  
- Người học có thể trở thành một chuyên gia trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, hoặc một tham tán thương mại ở nước ngoài.